

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ : 6 LÊ THÁNH TÔN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01 / 01 / 2009 Đến 31 / 12 / 2009	Từ 01 / 01 / 2008 Đến 31 / 12 / 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		367.737.422.223	138.893.365.890
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		154.332.843.356	119.969.549.770
- Các khoản dự phòng	03		(235.922.082.292)	215.379.804.233
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(21.034.513.273)	14.123.423.580
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.107.859.741)	(425.662.562.374)
- Chi phí lãi vay	06		68.700.309.541	59.937.423.125
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282.706.119.813	122.641.004.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.140.269.174	192.829.807.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.677.288.184)	(19.236.634.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		35.199.232.242	313.360.962.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.039.073.124	(21.722.491.967)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(64.285.732.943)	(56.724.915.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.580.375.537)	(52.871.466.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		201.086.294.215	145.502.116.395
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(175.590.115.198)	(212.098.807.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		345.037.476.707	411.679.573.194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(335.518.691.532)	(850.198.616.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	50.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.493.370.000)	(17.477.445.779)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.549.339.600	44.900.974.643
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.979.190.670)	(539.477.504.641)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		43.160.572.712	370.557.582.768
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.398.083.915	114.086.438.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(370.883.255.974)	(877.558.389.509)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01 / 01 / 2009 Đến 31 / 12 / 2009	Từ 01 / 01 / 2008 Đến 31 / 12 / 2008
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		423.134.064.614	551.274.229.744
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(254.808.674.419)	(93.087.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.381.297.040)	(5.388.731.082)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71.250.000.000)	(58.896.439.500)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số				(9.002.147.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.694.093.155	384.899.911.542
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		65.848.313.887	(80.978.904.773)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	200.964.237.594	275.754.725.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.477.978.497	6.188.417.052
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	268.290.529.978	200.964.237.593

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc